

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, giữa :

Nguyên đơn: Anh Phan Hữu H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 6, khu vực 3, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 6, khu vực 3, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Phan Hữu H và Chị Trần Thị Kim C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao 2 con chung là Phan Hữu H, sinh ngày 26/7/2004 và Phan Hữu P, sinh ngày 27/01/2007 cho anh Phan Hữu H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Hữu H tạm thời không yêu cầu chị Trần Thị Kim C cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị C xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí tranh chấp Hôn nhân gia đình: gồm 150.000 đồng (300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng). Anh Phan Hữu H tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Anh H đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/0002260, ngày 08/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả cho anh Hiệp 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSNDTP Huế;
- UBND phường A.
- **ĐKKH số 41 ngày 16/6/2003;**
- Chi cục THADS Tp Huế;
- TAND tỉnh TT Huế
- Lưu dân;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế